

Stt	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Chuyên ngành	Lĩnh vực nghiên cứu	SL NCS được nhận 2022
1	Alang Thór	TS.	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực (HRM), Inclusive leadership (hành vi lãnh đạo bao hàm/hoà nhập); Employee voice (tiếng nói người lao động), Public administration (quản trị công mắng nhân lực)	3
2	Bùi Quang Thông	TS.	Quản trị thương mại điện tử	Hành vi tổ chức và người tiêu dùng, đặc biệt trong bối cảnh điện tử	2
3	Hà Minh Trí	TS.	Development Studies	(Green) Marketing, Social capital, Knowledge Management, Intellectual capital	0
4	Hồ Nhật Quang	TS.	Kinh tế	Kinh tế - Quản trị Kinh doanh	2
5	Huỳnh Thị Ngọc Hiền	TS.	Quản trị kinh doanh	FDI spillovers, firm behavior, customer behavior, sustainable business	3
6	Lê Đình Minh Trí	TS.	Marketing	Marketing, Truyền thông mạng xã hội, Truyền miệng, Marketing giáo dục	2
7	Lê Văn Chơn	TS.	Kinh tế học	Kinh tế lượng ứng dụng, Tổ chức ngành, Kinh tế học về biến đổi khí hậu	1
8	Mai Ngọc Khương	PGS. TS.	Quản Trị Phát Triển (Development Management)	1). Consumer/Customer and Tourist Behaviours - Satisfaction, Perception, Purchase Decision/Intention, Repurchase Intention, Return Intention, Loyalty, Word-of-Mouth, etc; 2). Organizational Behaviours: - Team/group performance, organizational culture, organization purchase behaviours, organizational ethics, organization design/change, corporate strategy, organization development, organizational performance, organizational effectiveness/growth, etc.; 3). Leadership behaviours: - Leadership styles, Strategic leadership, leadership effectiveness, leadership performance, leadership satisfaction, etc.; 4). Employee behaviours: - Entrepreneurship, Personality, Ability, Attitudes, Emotions and Moods, Motivation, Job satisfaction, Loyalty, Job Commitment, Performance, Deviant behaviour, ethics, Learning, Perception, Value, Decision making, etc.; 5). Inter-Organization Relation (IOR): - Inter-organizational Relationship Performance, Strategic Alliance, Effectiveness, Partnership, Business Success, IOR coordination, Trust, etc.; & 6). Tourism development and Management: - Ecotourism development, Community-based Tourism, Sustainable Tourism, Rural Tourism, Hospitality management, etc	5
9	Nguyễn Hồng Anh	TS.	Kinh tế	Kinh tế quốc tế, kinh tế vĩ mô, Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, Hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	3
10	Nguyễn Bá Trung	TS.	Quản trị Phát Triển	Kinh tế quốc tế, kinh tế vĩ mô, Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, Hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	3

11	Nguyễn Ngọc Duy Phương	PGS. TS.	Quản lý Công nghiệp	Quản trị Kinh Doanh, Quản trị phát triển, Hành vi tổ chức, Hành vi khách hàng	5
12	Nguyễn Như Tỷ	TS.	Toán ứng dụng	Quản trị Sản xuất và điều hành	3
13	Nguyễn Văn Phương	PGS. TS.	Economics	kinh tế ứng dụng, Quản trị, quản lý công	3.5
14	Phạm Tấn Nhật	TS.	Quản trị kinh doanh	1.Quản trị nhân sự, quản trị nhân sự bền vững. 2. Hành vi, hiệu quả của nhân viên. 3. Quản trị và marketing trong du lịch. 4. Hành vi khách hàng và digital marketing. 5. Vai trò của kỹ thuật số (digitalization) trong kinh doanh. 6. Lãnh đạo.	3
15	Tôn Nữ Ngọc Hân	TS.	Development Administration	Public Policy, Development Economics, Sociology, Sustainable Development, Gender Equality, Social Housing, Knowledge Sharing, Neighborhood Governance	3
16	Trần Tiến Khoa	PGS. TS.	Quản trị Kinh doanh	Khoa học hành vi - Quản trị thương hiệu	2
17	Trịnh Công Tâm	TS.	Kinh tế	Kinh tế ứng dụng, kinh tế vi mô, vĩ mô, thương mại quốc tế, kinh tế bảo hiểm, văn hóa quốc gia, du lịch, khởi nghiệp, và sáng tạo.	3
18	Trịnh Việt Dũng	TS.	Marketing	Marketing Tech, Premium Brand, Customer Experience,	0
19	Võ Thị Quý	PGS. TS.	Kinh tế Kinh doanh quốc tế	Hành vi tổ chức, Hành vi tiêu dùng, Tài chính doanh nghiệp, cổ phần hóa và quản trị doanh nghiệp	3

20	Võ Xuân Hồng	TS.	Quản lý quốc tế (tài chính - ngân hàng)	Tài chính - ngân hàng	3
21	Phan Triều Anh	TS.	Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn hóa doanh nghiệp và kết quả kinh doanh</li> <li>- Ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh</li> <li>- Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ</li> <li>- Đào tạo trong các tổ chức</li> </ul>	2
22	Trương Quang Được	TS.	Kinh doanh quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng mô hình Servqual để to đánh giá sự hài lòng của khách hàng của công ty X</li> <li>- Mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng trong tình huống của công ty X</li> <li>- Nhận thức của giảng viên – sinh viên về kỹ năng xin việc. Tìm hiểu sự hài lòng của sinh viên về chất lượng của dịch vụ đào tạo ở các trường kinh doanh</li> </ul>	3
23	Võ Tường Huân	TS.	Quản trị	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hành vi của người tiêu dùng đối với sản phẩm và dịch vụ</li> <li>2. Hành vi của nhân viên trong tổ chức</li> </ol>	2
24	Nguyễn Phương Anh	TS.	Toán ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích năng suất và hiệu quả của hệ thống ngân hàng, các công ty bảo hiểm sử dụng các chỉ số năng suất.</li> <li>- Các yếu tố quyết định hiệu quả và năng suất.</li> <li>- Hiệu quả và năng suất với các biến kiểm soát quản lý rủi ro.</li> <li>- Sáp nhập và mua lại. Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng.</li> <li>- Năng lực cạnh tranh của hệ thống ngân hàng và các định chế tài chính.</li> <li>- Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh.</li> <li>- Phân tích hội tụ năng suất trong các ngành kinh tế. Bẫy thu nhập trung bình.</li> <li>- Các phương pháp định lượng trong xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp.</li> </ul>	3
25	Cao Minh Mẫn	TS.	Kinh doanh quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao thương quốc tế, tăng trưởng và phát triển kinh tế</li> <li>- Thị trường chứng khoán</li> </ul>	2

26	Hồ Điệp	TS.	Toán học	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các chiến lược ngân hàng thương mại và bán lẻ ở khu vực Đông Nam Á</li><li>- Quản trị rủi ro và kỹ thuật tài chính (financial engineering)</li><li>- Quản lý quỹ/Tài sản/Danh mục đầu tư</li><li>- Các sản phẩm tài chính có cấu trúc (Structured Finance Products)</li><li>- Các quy định tài chính</li></ul>	0
----	---------	-----	----------	--	---